

STK - Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 28/07/2026

* CTCP Sợi Thế Kỷ (STK) tiếp tục ghi nhận KQKD kém tích cực trong quý 2/2026, với doanh thu đạt 395 tỷ đồng (+18% YoY; +47% QoQ), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS lỗ 38 tỷ đồng (so với mức lỗ 7 tỷ đồng ghi nhận trong quý 2/2025 và mức lỗ 34 tỷ đồng ghi nhận trong quý 1/2026).

* KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026): Doanh thu đạt 663 tỷ đồng (-7% YoY), hoàn thành 25% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS lỗ 73 tỷ đồng, so với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cả năm của chúng tôi là 164 tỷ đồng. Chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đáng kể đối với dự báo lợi nhuận hiện tại, mặc dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Sản lượng bán phục hồi mạnh nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng của chúng tôi. Tổng sản lượng bán trong quý 2 đạt 7,3 nghìn tấn (+14% YoY; +48% QoQ), qua đó đưa sản lượng bán 6T 2026 lên 12,2 nghìn tấn (-10% YoY, hoàn thành 26% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi). Trong đó, sợi tái chế chiếm 48% tổng sản lượng bán quý 2, so với 40% trong quý 2/2025 và 47% trong quý 1/2026.

- Sợi nguyên sinh: Doanh thu đạt 185 tỷ đồng (+8% YoY; +55% QoQ), đưa doanh thu 6T lên 305 tỷ đồng (-15% YoY), hoàn thành 33% dự báo cả năm của chúng tôi.

- Sợi tái chế: Doanh thu đạt 210 tỷ đồng (+29% YoY; +41% QoQ). Doanh thu 6T nhìn chung đi ngang YoY, đạt 359 tỷ đồng, tương đương 21% dự báo cả năm của chúng tôi.

* Chênh lệch giá bình quân tăng 14% YoY và 3% QoQ, nhờ giá hạt nhựa PET giảm 6% YoY và 5% QoQ, trong khi giá bán trung bình tăng 4% YoY và nhìn chung đi ngang QoQ.

* Biên lợi nhuận gộp tổng hợp giảm xuống mức 11,3% trong quý 2/2026 (thấp hơn so với mức 19,4% trong quý 2/2025, 13,3% trong quý 1/2026 và dự báo cả năm 2026 của chúng tôi là 12,0%). Mặc dù chênh lệch giá được cải thiện, nhưng biên lợi nhuận vẫn chịu áp lực do: (1) hiệu suất hoạt động thấp khiến chi phí cố định phân bổ trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng cao, đồng thời Unitex cũng đã bắt đầu ghi nhận chi phí khấu hao; cùng với (2) các chi phí liên quan đến việc dừng máy.

- Biên lợi nhuận gộp sợi nguyên sinh của công ty mẹ cải thiện lên 6,0%, từ mức 0,9% trong quý 1/2026, nhưng vẫn thấp hơn mức 9,5% ghi nhận trong quý 2/2025 và cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 4,9%.

- Biên lợi nhuận gộp sợi tái chế của công ty mẹ giảm còn 16,0%, từ mức 17,8% trong quý 1/2026 và 31,6% trong quý 2/2025, nhìn chung phù hợp với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 15,9%.

*** Chi phí tài chính tiếp tục là yếu tố chính gây áp lực lên lợi nhuận**, ghi nhận ở mức 54 tỷ đồng trong quý 2 (đi ngang YoY và tăng 14% QoQ). Chi phí tài chính hiện chủ yếu phản ánh gánh nặng chi phí lãi vay mang tính cơ cấu, khi chi phí lãi vay tăng mạnh từ 16 tỷ đồng trong 6T 2025 lên 95 tỷ đồng trong 6T 2026. Trong khi đó, lỗ tỷ giá giảm từ 63 tỷ đồng xuống còn 6,8 tỷ đồng. Chi phí tài chính 6T tăng 29% YoY, đạt 102 tỷ đồng, vượt dự báo cả năm của chúng tôi là 101 tỷ đồng.

*** Nhìn chung, quý 2 đã ghi nhận những dấu hiệu phục hồi ban đầu về sản lượng, nhưng sự chuyển biến về lợi nhuận vẫn chưa diễn ra.** Trọng tâm vấn đề đã chuyển từ giai đoạn xây dựng dự án sang giai đoạn nâng công suất hoạt động. Phần lớn tài sản hiện đã đi vào hoạt động, đồng nghĩa chi phí khấu hao và lãi vay đã được ghi nhận đầy đủ, trong khi hiệu suất hoạt động và biên lợi nhuận vẫn chưa đủ cao. Để lợi nhuận phục hồi đáng kể, STK cần ghi nhận lượng đơn hàng và hiệu suất hoạt động cao hơn, qua đó giúp mức tăng lợi nhuận gộp vượt lên gánh nặng của chi phí khấu hao và chi phí lãi vay hiện tại.

KQKD quý 2 & 6T 2026 của STK

Tỷ đồng	Q2 2025	Q1 2026	Q2 2026	QoQ	YoY	6T 2025	6T 2026	YoY	6T 2026/ dự báo 2026	Dự báo 2026
Sản lượng bán hàng (tấn)*	6.370	4.896	7.258	48%	14%	13.521	12.154	-10%	26%	46.973
Doanh thu	333	268	395	47%	18%	710	663	-7%	25%	2.614
Sợi nguyên sinh*	172	119	185	55%	8%	360	305	-15%	33%	926
Sợi tái chế*	162	149	210	41%	29%	352	359	2%	21%	1.688
Lợi nhuận gộp	65	36	45	25%	-31%	143	80	-44%	25%	314
Sợi nguyên sinh*	16	1	11	983%	-32%	33	12	-63%	27%	46
Sợi tái chế*	51	27	33	26%	-35%	118	60	-49%	22%	269
Chi phí bán hàng	-3	-2	-3	43%	33%	-5	-6	21%	21%	-28
Chi phí quản lý	-13	-21	-20	-4%	58%	-27	-42	55%	68%	-61
Lợi nhuận từ HĐKD	49	12	21	74%	-58%	111	33	-71%	15%	225
Thu nhập tài chính	10	4	-1	-114%	-106%	21	3	-84%	7%	47

Chi phí tài chính	-55	-47	-54	14%	0%	-79	-102	29%	101%	-101
LNTT	2	-31	-34	9%	N.M	50	-65	-229%	N.M	172
LNST sau lợi ích CĐTS	-7	-34	-38	12%	482%	29	-73	-351%	N.M	164
Biên lợi nhuận										
Biên LN gộp tổng hợp	19,4%	13,3%	11,3%			20,2%	12,1%			12,0%
Biên LN gộp sợi nguyên sinh*	9,5%	0,9%	6,0%			9,1%	4,0%			4,9%
Biên LN gộp sợi tái chế*	31,6%	17,8%	16,0%			33,5%	16,7%			15,9%
SG&A/doanh thu	4,6%	8,8%	6,0%			4,5%	7,2%			3,4%
Biên LN từ HĐKD	14,8%	4,4%	5,3%			15,7%	4,9%			8,6%
Biên EBITDA	24,2%	24,5%	18,6%			22,3%	21,0%			17,2%
Biên LNST sau lợi ích CĐTS	-2,0%	-12,8%	-9,7%			4,1%	-11,0%			6,3%

Nguồn: STK, Vietcap. (*) Số liệu phân tách tại công ty mẹ.